

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO THỐNG KÊ KHẢO SÁT HÀI LÒNG NHÂN VIÊN Y TẾ

Thời gian khảo sát: Quý 1,2,3/2019

Tổng số nhân viên được khảo sát: 1092

THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU

| | | |
|----|---|--------|
| A1 | Gới tính | |
| | Nam | 398 |
| | Nữ | 694 |
| A2 | Tuổi (TB) | 36.414 |
| A3 | Chuyên môn đào tạo chính | |
| | Bác sĩ | 210 |
| | Dược sĩ | 43 |
| | Điều dưỡng, hộ sinh | 453 |
| | Kỹ thuật viên | 100 |
| | Khác | 286 |
| A4 | Bằng cấp cao nhất | |
| | Trung cấp | 428 |
| | Cao đẳng | 41 |
| | Đại học | 310 |
| | Cao học, CKI | 118 |
| | Tiến sĩ, CKII | 49 |
| | Khác | 146 |
| A5 | Số năm công tác trong ngành Y (TB) | 11.31 |
| A6 | Số năm công tác tại bệnh viện hiện nay (TB) | 10.46 |
| A7 | Vị trí công tác hiện tại | |
| | Lãnh đạo bệnh viện | 3 |
| | Trưởng khoa/phòng/trung tâm | 25 |
| | Phó khoa/phòng | 26 |
| | NV biên chế/hợp đồng dài hạn | 1009 |
| | Hợp đồng ngắn hạn | 0 |
| | Khác | 29 |
| A8 | Phạm vi hoạt động chuyên môn | |
| | Khối hành chính | 165 |
| | Cận lâm sàng | 218 |
| | Nội | 126 |
| | Ngoại | 395 |
| | Sản | 0 |
| | Nhi | 0 |
| | Truyền nhiễm | 0 |
| | Chuyên khoa lẻ (mắt, TMH, RHM,...) | 0 |
| | Các khoa không trực tiếp KCB | 0 |

| | |
|---------------------|-----|
| Dược | 30 |
| Dự phòng | 0 |
| Khác (ghi rõ) | 158 |

| | | |
|----|--|-----|
| A9 | Anh/chị có được phân công kiêm nhiệm nhiều việc không? | |
| | Không kiêm nhiệm | 936 |
| | Kiểm nhiệm từ 2 công việc | 129 |
| | Kiểm nhiệm từ 3 công việc trở lên | 27 |

| | | |
|-----|---|------|
| A10 | Trung bình Anh/chị trực mấy lần trong một tháng | 3.93 |
|-----|---|------|

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG VỀ BỆNH VIỆN

| | | |
|------------------------------|---|-------------|
| ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG | | 4.24 |
| A | Sự hài lòng về môi trường làm việc | 4.16 |
| A1 | Phòng làm việc khang trang, sạch sẽ, thoáng mát. | 4.21 |
| A2 | Trang thiết bị văn phòng, bàn ghế làm việc... đầy đủ, các thiết bị cũ, lạc hậu được thay thế kịp thời. | 4.20 |
| A3 | Có bố trí phòng trực cho NVYT. | 4.19 |
| A4 | Phân chia thời gian trực và làm việc ngoài giờ hành chính hợp lý. | 4.17 |
| A5 | Các trang bị bảo hộ cho NVYT (quần áo, khẩu trang, găng tay..) đầy đủ, không bị cũ, nhàu nát, không bị hạn chế sử dụng. | 4.16 |
| A6 | Môi trường học tập tạo điều kiện cho NVYT cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ: thư viện, phòng đọc, tra cứu thông tin, truy cập internet... | 4.15 |
| A7 | Môi trường làm việc bảo đảm an toàn cho NVYT. | 4.19 |
| A8 | Bệnh viện bảo đảm an ninh, trật tự cho NVYT làm việc. | 4.19 |
| A9 | Người bệnh và người nhà có thái độ tôn trọng, hợp tác với NVYT trong quá trình điều trị. | 3.98 |
| B | Sự hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp | 4.30 |
| B1 | Lãnh đạo có năng lực xử lý, điều hành, giải quyết công việc hiệu quả. | 4.33 |
| B2 | Lãnh đạo phân công công việc phù hợp với chuyên môn đào tạo của nhân viên. | 4.31 |
| B3 | Lãnh đạo quan tâm, tôn trọng, đối xử bình đẳng với các NVYT. | 4.30 |
| B4 | Lãnh đạo lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp NVYT. | 4.29 |
| B5 | Lãnh đạo động viên, khích lệ nhân viên khi hoàn thành tốt nhiệm vụ, có tiến bộ trong công việc. | 4.33 |
| B6 | Đồng nghiệp có ý thức hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. | 4.26 |
| B7 | Môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết. | 4.28 |
| B8 | Đồng nghiệp chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trong công việc. | 4.31 |
| B9 | Đồng nghiệp quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. | 4.27 |
| C | Sự hài lòng về quy chế nội bộ, tiền lương, phúc lợi | 4.21 |
| C1 | Các quy định, quy chế làm việc nội bộ của bệnh viện rõ ràng, thực tế và công khai. | 4.23 |
| C2 | Môi trường làm việc tại khoa/phòng và bệnh viện dân chủ. | 4.22 |
| C3 | Quy chế chi tiêu nội bộ công bằng, hợp lý, công khai. | 4.20 |
| C4 | Việc phân phối quỹ phúc lợi công bằng, công khai. | 4.22 |
| C5 | Mức lương tương xứng so với năng lực và cống hiến. | 4.17 |
| C6 | Chế độ phụ cấp nghề và độc hại xứng đáng so với cống hiến. | 4.12 |
| C7 | Thưởng và thu nhập tăng thêm ABC xứng đáng so với cống hiến. | 4.18 |

| | | |
|-----|---|------|
| C8 | Cách phân chia thu nhập tăng thêm công bằng, khuyến khích nhân viên làm việc tích cực. | 4.19 |
| C9 | Bảo đảm đóng BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ và các hình thức hỗ trợ ốm đau, thai sản đầy đủ. | 4.29 |
| C10 | Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng đầy đủ. | 4.26 |
| C11 | Có phong trào thể thao, văn nghệ tích cực. | 4.24 |
| C12 | Công đoàn bệnh viện hoạt động tích cực. | 4.25 |
| D | Sự hài lòng về công việc, cơ hội học tập và thăng tiến | 4.21 |
| D1 | Khối lượng công việc được giao phù hợp. | 4.11 |
| D2 | Công việc chuyên môn đáp ứng nguyện vọng bản thân. | 4.18 |
| D3 | Bệnh viện tạo điều kiện cho NVYT nâng cao trình độ chuyên môn. | 4.27 |
| D4 | Bệnh viện tạo điều kiện cho NVYT học tiếp các bậc cao hơn. | 4.25 |
| D5 | Công khai các tiêu chuẩn cho các chức danh lãnh đạo. | 4.23 |
| D6 | Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo dân chủ, công bằng. | 4.21 |
| D7 | Có cơ hội thăng tiến khi nỗ lực làm việc. | 4.18 |
| E | Sự hài lòng chung về bệnh viện | 4.34 |
| E1 | Cảm thấy tự hào khi được làm việc tại bệnh viện. | 4.34 |
| E2 | Đạt được những thành công cá nhân khi làm việc tại bệnh viện. | 4.22 |
| E3 | Tin tưởng vào sự phát triển của bệnh viện. trong tương lai. | 4.36 |
| E4 | Sẽ gắn bó làm việc tại khoa, phòng hiện tại lâu dài. | 4.38 |
| E5 | Sẽ gắn bó làm việc tại bệnh viện lâu dài. | 4.40 |
| E6 | Mức độ hài lòng nói chung về lãnh đạo bệnh viện. | 4.38 |
| E7 | Tự đánh giá về mức độ hoàn thành công việc tại bệnh viện. | 4.30 |
| G | Anh/Chị có ý kiến hoặc đề xuất nào khác với Bộ Y tế và lãnh đạo bệnh viện? | |

Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Anh

Trưởng phòng TCCB


BS. CK2. Hồ Huỳnh Long